TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Ngọc Đài;
2. Ông Y Míp Niê.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y; trú tại: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Phạm Văn D; trú tại: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn D là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 06/12/2001 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân là do anh D thường xuyên chửi bới, đánh đập và đe dọa chị Y. Vợ chồng sống ly thân gần 01 năm. Xét thấy tình cảm không còn nên chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn D.

Về con chung: **C**ó 02 con chung, cụ thể: Cháu Phạm Thị Linh C, sinh ngày 04/5/2002 và cháu Phạm Duy B, sinh ngày 19/10/2003. Các con chung phát triển bình thường và hiện tại các cháu đều đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Phạm Văn D trình bày:* Anh D và chị Y là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 06/12/2001 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Nay chị Y đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh D không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Y.

Về con chung: **C**ó 02 con chung, cụ thể: Cháu Phạm Thị Linh C, sinh ngày 04/5/2002 và cháu Phạm Duy B, sinh ngày 19/10/2003. Các con chung phát triển bình thường và hiện tại các cháu đều đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhưng chị Nguyễn Thị Y xin vắng mặt tại phiên hòa giải, anh Phạm Văn D không có mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

- *Kết quả xác minh tại Hội phụ nữ xã K, huyện N, tỉnh Đắk Lắk:* Tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Y với anh Phạm Văn D có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, to tiếng trong gia đình, vợ chồng hiện tại đang sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất từ đâu thì Hội phụ nữ xã không nắm được vì vợ chồng chị Y, anh D chưa báo chính quyền địa phương hòa giải tại cơ sở. Đề nghị, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn D là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 06/12/2001 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn. Chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn D sống ly thân đã 01 năm nay. Do đó, có thể thấy tình trạng hôn nhân của Chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Y, cho chị Y được ly hôn với với anh Phạm Văn D.

Về con chung: **C**ó 02 con chung, cụ thể: Cháu Phạm Thị Linh C, sinh ngày 04/5/2002 và cháu Phạm Duy B, sinh ngày 19/10/2003. Các con chung phát triển bình thường và hiện tại các cháu đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn nên nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y

phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện *"Ly hôn"* và bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Văn D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn D là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 06/12/2001 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị Y với anh D là hợp pháp. Vì vậy, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn D: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân 01 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên chửi bới, đánh đập và đe dọa chị Y. Tại biên bản xác minh ngày 18/5/2022 tại Hội liên hiệp phụ nữ xã K, huyện N xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Y với anh D có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, to tiếng trong gia đình, vợ chồng hiện tại đang sống ly thân nhau. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc với nhau nhưng chị Y với anh D đã sống ly thân nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, to tiếng trong gia đình, thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân của chị Y với anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Y.

[2.2] Về con chung: **C**ó 02 con chung, cụ thể: Cháu Phạm Thị Linh C, sinh ngày 04/5/2002 và cháu Phạm Duy B, sinh ngày 19/10/2003. Các con chung phát triển bình thường và hiện tại các con chung đều đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra để xem xét giải

quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008823 ngày 11/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y về việc "Ly hôn". Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Có 02 con chung, cụ thể: Cháu Phạm Thị Linh C, sinh ngày 04/5/2002 và cháu Phạm Duy B, sinh ngày 19/10/2003. Các con chung phát triển bình thường và hiện tại các con chung đều đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008823 ngày 11/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- . . . . . ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Xuân Hải